TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2020

V/v "Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Dũng
Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo
Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc*"Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐ - PT ngày 07 tháng 9 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 112/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐ - PT ngày 17 tháng 9 năm 2020 và giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ - Trụ sở: 199 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S, chức vụ: Chủ tịch HĐTV. Đại diện theo ủy quyền gồm có:

1. Ông Hà Đỗ Vĩnh P - Sinh năm: 1982 - Địa chỉ: Tổ 39 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. (*Theo Văn bản uyền quyền số 190/2017/UQ-NĐ DPL ngày 7/04/2017 của Chủ tịch Hội đồng thanh viên - Người đại diện theo pháp*

luật của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ và Văn bản ủy quyền số 166/2019/UQ- OBANK.05.02 ngày 13/5/2019 của Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV Đ). (Có mặt);

2. Ông Đinh Cảnh T - Chức vụ: Phó trưởng phòng pháp chế - Khối tuân thủ. *(Theo văn bản ủy quyền số 73/2020/UQ- OCEABANK.12.01 ngày 09/3/2020 của Phó tổng giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV Đ.* (Có mặt).

+ *Bị đơn:* Văn phòng công chứng T. Địa chỉ: 197 đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D - Chức vụ: Trưởng văn phòng công chứng. Đại diện theo ủy quyền có Ông Đặng H. (*Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020*). (Có mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Mai A - Sinh năm: 1960 và bà Lê Thị Á - Sinh năm: 1963 - Cùng địa chỉ: K8/38 đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Lê Thị ÁCông ty Trách nhiệm hữu hạn B – Trụ sở: 27 đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Ủy Ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng - Trụ sở: Số 486 đường L, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/11/2011, tại Văn phòng công chứng T, Công chứng viên của Văn phòng công chứng T đã ký công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ (gọi tắt là OBank) - Chi nhánh Đà nẵng, bên thế chấp là ông Mai A.

Bản án phúc thẩm số 16/2015/KDTM-PT của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số công chứng 8474 lập ngày 25/11/2011 tại Văn phòng công chứng T vô hiệu do vi phạm quy định của pháp luật về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng. Bởi lẽ tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng nhưng khi xác lập hợp đồng thế chấp thì người vợ không tham gia ký kết, do vậy theo quy định của pháp luật dân sự và hôn nhân gia đình thì văn bản công chứng bị tuyên vô hiệu, buộc Ngân

hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 8474.

Vậy theo nội dung bản án nêu trên thì việc văn bản công chứng bị tuyên vô hiệu, buộc OBank phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai A và bà Lê Thị Á đã gây thiệt hại cho Nhà nước và OBank. Việc văn bản bị tuyên vô hiệu là do lỗi của Công chứng viên thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp đã không xác định đầy đủ chủ thể tham gia ký kết hợp đồng cũng như Công chứng viên đã không xác định đầy đủ chủ sở hữu tài sản là đối tượng của hợp đồng.

Nguyên đơn căn cứ các quy định của pháp luật để khởi kiện: Điểm g khoản 2 Điều 17, Điều 38 của Luật công chứng; Điều 604, Điều 605 của Bộ luật dân sự năm 2015

Thiệt hại gây ra cho bị đơn là Ngân hàng Đ bao gồm (số liệu toàn bộ nghĩa vụ nợ phát sinh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0208/2011/HDDTD1-OBANK06 tạm tính đến ngày 05/9/2016): Nợ gốc 260.000.000đ; Nợ lãi trong hạn 118.270.833đ; Phạt gốc chậm trả 66.300.000đ.Tổng thiệt hại tạm tính: 444.570.833 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung về mức thiệt hại của nguyên đơn và giao nộp các chứng cứ chứng minh là các phiếu tính lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/6/2020 cụ thể như sau: Nợ gốc 284.853.520đ; lãi 561.548.897đ; phạt gốc chậm trả 342.643.174đ; phạt lãi chậm trả 28.743.700đ. Tổng thiệt hại là 1.217.789.290đ

Vậy Ngân hàng Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc Văn phòng công chứng T bồi thường số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2020 là 1.217.789.290 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ thiệt hại do văn bản công chứng bị tuyên vô hiệu gây ra cho OBank theo quy định của pháp luật về bồi thường ngoài hợp đồng.

Lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của bị đơn thể hiện:

Sau khi thụ lý hồ sơ công chứng hợp đồng thế chấp, Văn phòng công chứng T thấy tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất Lô 57, tờ bản đồ số KT01/1 Khu B Khu tái định cư Đ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AP 890188 do UBND quận N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2009 đứng tên ông Mai A không có tranh chấp, thuộc sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, tài sản không nằm trong diện bị phong tỏa, các bên đương sự có năng lực hành vi dân sự đầy

đủ, nên việc công chứng là hoàn toàn đúng pháp luật. Việc cấp GCNQSDĐ nêu trên do UBND quận N, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Mai A là chủ sở hữu duy nhất. Văn phòng công chứng T không có trách nhiệm phải chứng minh đây là tài sản riêng của ông Mai A, việc chứng minh này thuộc về UBND quận N, thành phố Đà Nẵng. Việc cấp GCNQSDĐ số AP 890188 do UBND quận N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2009 đứng tên ông Mai A là không đúng quy định của pháp luật dẫn đến việc ngân hàng không thu hồi được nợ khoản vay từ việc thế chấp tài sản tại ngân hàng do Văn phòng công chứng T chứng nhận, nên Văn phòng công chứng T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án đưa UBND quận N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại văn bản phản hồi gửi đến Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ngày 09/11/2016 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mai A và bà Lê Thị Á thể hiện:

Ngày 07/11/2016, ông Mai A và bà Lê Thị Á đã nhận được Thông báo số 214/TB-TLVA của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng về việc thụ lý vụ án. Căn cứ khoản 4, khoản 6 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015, ông A và bà Á có ý kiến và yêu cầu như sau:

- Quyền lợi và nghĩa vụ dân sự của ông A và bà Á trong vụ án dân sự giữa Ngân hàng Đ với Công ty TNHH B đã được phán quyết tại bản án phúc thẩm số 16/2015/KDTM-PT ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và đã được tổ chức thi hành án xong, giữa ông A và bà Á với Ngân hàng Đ không còn tồn tại hoặc phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ gì.

- Vụ án dân sự mà Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý theo Thông báo số 214/TB-TLVA ngày 27/10/2016 là tranh chấp độc lập giữa Ngân hàng Đ và Văn phòng công chứng T. Theo đó, bên nào thắng kiện cũng không làm thay đổi được hiệu lực của Bản án phúc thẩm số 16/2015/KDTM-PT ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Do đó cũng không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của ông A và bà Á theo phán quyết này.

Ông A và bà Á không yêu cầu được đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cam kết không khiếu kiện gì liên quan đến vụ án dân sự nói trên. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê không tiếp tục gửi cho ông A và bà Á các thông báo liên quan đến vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH B:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH B không có văn bản phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

* Quá trình xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2019 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định chuyển vụ án, chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để giải quyết theo thẩm quyền với lý do: Ủy Ban nhân dân (UBND) quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) số AP890188 cho ông Mai A là vi phạm điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Á (là vợ của ông Mai A) nên xét thấy cần hủy GCNQSDĐ số AP890188, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H07466 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2009 đứng tên ông Mai A.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng" của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ đối với bị đơn Văn phòng công chứng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ phải chịu 21.782.732 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.891.416 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002790, ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 10.891.416 đồng .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đề nghị Tòa án cấp phúc xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Mai A; bà Lê Thị Á; Công ty TNHH B và UBND quận N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ, HĐXX nhận định:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung về mức thiệt hại của nguyên đơn và giao nộp các chứng cứ chứng minh là các phiếu tính lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 29/9/2020 cụ thể: Nợ gốc 284.853.520đ; lãi 575.316.817đ; phạt gốc chậm trả 349.527.134đ; phạt lãi chậm trả 29.200.245đ. Tổng thiệt hại là 1.238.897.716đ. HĐXX xét thấy tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ và Văn phòng công chứng T là "Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng" nên số tiền mà Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ yêu cầu thêm (thực chất là tiền lãi phát sinh thêm đến ngày xét xử phúc thẩm) là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu cũng như phạm vi kháng cáo nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Tại bản án phúc thẩm số: 16/2015/KDTM-PT ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, đã quyết định: Buộc Công ty B phải thanh toán cho OBank toàn bộ số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

[4] Tại biên bản xác minh về việc thi hành án ngày 12 tháng 5 năm 2020 thể hiện: "…Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2015/KDTM-PT ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ với bị đơn là Công ty TNHH B đã được Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết, ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 41/QĐ-CCTHA ngày 06/7/2015. Trong đó, số tiền mà Công ty TNHH B phải thi hành là 1.487.955.673 đồng. Đến năm 2016 đã thi hành được 877.397.130

đồng. Số tiền còn lại chưa thi hành là 610.558.543 đồng. Ngày 13/7/2016 Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê ra Quyết định số 142/QĐ-CCTHA về việc chưa có điều kiện thi hành án. Như vậy, Bản án KDTM số 16 ngày 15/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đang được Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đang thụ lý giải quyết, nhưng Công ty TNHH B chưa có điều kiện thi hành án. Khi nào có điều kiện thì mới phục hồi việc thi hành án".

[5] Như vậy trong quá trình cho vay, Ngân hàng Đ cũng đã thu lại một phần tiền nợ gốc, các khoản tiền nợ lãi; quá trình thi hành bản án số 16/2015/KDTM-PT, phía Ngân hàng Đ cũng đã thu hồi được một phần tài sản của Công ty B. Hiện nay (phần tài sản) phần tiền nợ còn lại chưa thu hồi được vì lý do là Công ty B chưa có điều kiện thi hành án.

[6] Mặt khác, tại Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *" Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại - 1.Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường…".*

[7] Do vậy, thực tế hiện nay Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số công chứng 8474 lập ngày 25/11/2011 tại Văn phòng công chứng T vô hiệu chưa dẫn đến việc gây thiệt hại cho Ngân hàng Đ. Trong trường hợp, Ngân hàng Đ chứng minh được Công ty TNHH B không còn khả năng thanh toán hoặc Ngân hàng không thể thu hồi được số tiền từ Công ty B thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu khởi kiện do những hành vi gây thiệt hại ở một vụ án khác.

[8] Từ những lập luận trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Đ và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 444.570.833đ (theo đơn khởi kiện) là 20.000.000đ + (444.570.833đ x 4%) = 21.782.833đ.

[9.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng" của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ đối với bị đơn Văn phòng công chứng T.

2. Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ phải chịu 21.782.833 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.891.416 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002790, ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 10.891.417 đồng.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ phải 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002094, ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Chi cục THA DS quận Thanh Khê;
- TAND quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ NV – Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Dũng